TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/7/2022
Về: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Nho Hoàng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Quang**
Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà -** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022 về: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1989, trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Bị đơn: Ông Đỗ Tấn T1, sinh năm: 1987, trú tại: thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần thị T trình bày: Tôi và ông T1 tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, sống không hợp nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày: 13/8/2012 và Đỗ Trần Tố M, sinh ngày: 12/9/2017. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung;

Tài sản chung, nợ chung, cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đỗ Tấn T1, giao cháu 02 cháu Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày: 13/8/2012 và Đỗ Trần Tố M, sinh ngày: 12/9/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Tấn T1, sinh năm: 1987, trú tại: thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Tấn T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Đỗ Tấn T1 tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, sống không hợp nhau nay bà T xin ly hôn với ông T1. Về phần ông Đỗ Tấn T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Điều này cho thấy ông T1 không thật sự mong muốn hòa giải, không mong muốn hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng bà T. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc ly hôn với ông Đỗ Tấn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 cháu Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày: 13/8/2012 và Đỗ Trần Tố M, sinh ngày: 12/9/2017. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N có nguyện vọng ở với mẹ, cháu My còn nhỏ, do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 cháu Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày: 13/8/2012 và Đỗ Trần Tố M, sinh ngày: 12/9/2017 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với bị đơn ông Đỗ Tấn T1.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đỗ Tấn T1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Đỗ Trần Bảo N, sinh ngày: 13/8/2012 và Đỗ Trần Tố M, sinh ngày: 12/9/2017 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Đỗ Tấn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu

cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0010977 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nho Hoàng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Anh Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.